

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 78/2018/HS-PT
Ngày 06 - 03 - 2018.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đức.

Các Thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr.

Bà Lưu Thị Thu Hường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Quỳnh Hoa, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 18/2018/TLPT-HS ngày 05/01/2018 đối với bị cáo Bùi Văn C và đồng bọn về tội “*Trộm cắp tài sản*”, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2017/HS-ST ngày 30/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Bùi Văn C, sinh năm 1988, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Xã CH, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: thợ cắt tóc; trình độ học vấn: 08/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi S và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Trần Thị T1 và 01 con; tiền sự: Không; tiền án: 01 tiền án, ngày 15/02/2012, bị Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ, về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Hoàng Văn T, sinh năm 1998, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn TX, xã CH, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 05/12; giới tính: Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn L1 và bà Chu Thị D (chết); tiền án: không; tiền sự: Ngày 04/11/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk ra quyết định đưa vào trường giáo dưỡng với thời hạn 24 tháng, về hành vi trộm cắp tài sản, đến ngày 28/12/2016 chấp hành xong.

3. Bùi Văn B, sinh năm 1997, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Xã CH, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn H và bà Phạm Thị L2; hiện bị cáo chung sống như vợ chồng với chị Nguyễn Thị T2 và có 01 con chung sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không.

Các bị cáo được tại ngoại và đều có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra còn có bị cáo Lê Quang D1 không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 16/5/2017, Lê Quang D1 và Bùi Văn B đến nhà Bùi Văn C để uống rượu, khi đi B mang theo 01 vạm phá khóa. Do biết nhà bà B1 Niê ở xã CH vào ban đêm thường để xe mô tô bên cạnh nhà không có người trông coi nên C rủ D1 và B nhậu xong đi trộm cắp xe mô tô bán lấy tiền tiêu xài thì cả hai đều đồng ý. Đến 23 giờ cùng ngày, C, D1 và B cùng đi bộ đến nhà bà B1 Niê để trộm cắp xe mô tô. D1 và B đi trước, còn C do chân bị tật nên đi chậm phía sau. Khi đến nơi, thấy xe mô tô biển số 47F1-199.57 của anh D2 Niê đang dựng ở nhà để xe cày bên hông nhà bà B1 Niê thì B liền dùng vạm phá khóa mang theo cạy phá ổ khóa xe, sau đó D1 dắt xe mô tô ra ngoài đường rồi nổ máy và điều khiển xe mô tô trộm cắp chở B và C về nhà của D1. Sợ bị phát hiện nên D1 dùng cờ lê tháo rời biển số xe cất giấu ở tấm bạt phía sau nhà bếp. Khoảng 05 giờ ngày 18/5/2017, D1 điều khiển xe mô tô trộm cắp được đem cất giấu tại rẫy cà phê ở xã EĐ, huyện EK. Đến khoảng 17 giờ 50 phút ngày 19/5/2017, C và D1 đến lấy xe mang đi tiêu thụ thì bị Công an huyện Ea Kar phát hiện bắt giữ.

Tại bản kết luận định giá số 08/KL-ĐGTS, ngày 24/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 47F1-199.57, có số máy 5C6J063626, số khung C6J0EY063683, trị giá là 12.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, D1, C và B khai nhận đã cùng Hoàng Văn T thực hiện hai vụ trộm cắp khác, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 01 giờ ngày 28/02/2017, T rủ C và D1 mang theo 01 kim cắt sắt vào nhà anh Đậu Thanh D3 ở thị trấn K, huyện EK cắt đứt dây xích khóa cửa rồi đột nhập vào nhà lấy trộm tài sản, gồm: 01 laptop nhãn hiệu Dell Inspiron; 01 điện thoại di động (ĐTĐĐ) nhãn hiệu Sky nano 8x; 01 ĐTĐĐ nhãn hiệu Nokia 1280; 01 ĐTĐĐ nhãn hiệu Sony Xperia LT26i. Đến ngày 21/5/2017, C và T bán chiếc laptop cho anh Trần Hoài N với giá 2.000.000 đồng; C bán ĐTĐĐ nhãn hiệu Sony Xperia LT26i cho một người không rõ nhân thân lai lịch với giá 500.000 đồng; riêng ĐTĐĐ Sky nano 8x và ĐTĐĐ Nokia 1280 D1 đã làm mất trong quá trình sử dụng. Toàn bộ số tiền bán tài sản trộm cắp được C, D1 và T cùng nhau tiêu xài hết.

Tại bản định giá tài sản kết luận: Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 4.650.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 01 giờ ngày 10/4/2017, D1 rủ C, B, T đến quán cà phê N ở xã K do anh Nguyễn Thành N làm chủ để trộm cắp tài sản. Đến nơi, C đứng ngoài canh giới còn D1, T và B vào trong quán cà phê lấy trộm tài sản, gồm: 01 máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy, model T 285, 01 ĐTĐĐ nhãn hiệu F-mobile X 459, 24 lon nước giải khát hiệu Red Bull; 30 lon nước yến sào Khánh Hòa nhãn hiệu Sanest; 01 thùng sữa tươi hiệu TH-True Milk

và số tiền 500.000 đồng.

Tại bản định giá tài sản kết luận: Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt là 2.865.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 59/2017/HS-ST ngày 30/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Văn C, Bùi Văn B và Hoàng Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bùi Văn C 01 năm 08 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bùi Văn B 01 năm 03 tháng tù.

Xử phạt: Hoàng Văn T 01 năm 03 tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày các bị cáo bị bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13, 14/12/2017, các bị cáo Bùi Văn C, Bùi Văn B và Hoàng Văn T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng và bản án hình sự sơ thẩm.

Quá trình tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và khẳng định Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã tuyên xử các bị cáo Bùi Văn C, Bùi Văn B và Hoàng Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bùi Văn C là không đúng, vì sau khi bản án có hiệu lực pháp luật Cơ quan thi hành án không ban hành quyết định thi hành án về phần án phí nên bị cáo chưa chấp hành xong bản án; quá trình điều tra bị cáo C và B đã tự khai ra các lần phạm tội trước đó nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ người phạm tội tự thú cho các bị cáo là thiếu sót nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm o khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự cho bị cáo C và B.

Xét mức hình phạt 01 năm 08 tháng tù đối với bị cáo C là có phần nghiêm khắc nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Văn C để giảm hình phạt xuống mức 01 năm 06 tháng tù; Xét mức hình phạt 01 năm 03 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo Hoàng Văn T và Bùi Văn B là thỏa đáng, tương xứng với tính chất mức độ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Hoàng Văn T, Bùi Văn B.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo Bùi Văn C, Bùi Văn B và Hoàng Văn T tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận, bản án sơ thẩm số 59/2017/HS-ST ngày 30/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã xét xử các bị cáo Bùi Văn C, Bùi Văn B và Hoàng Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Bùi Văn C, Bùi Văn B và Hoàng Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định hành vi của bị cáo Bùi Văn C thuộc trường hợp “tái phạm” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 là chưa C xác, bởi việc bị cáo C chưa chấp hành bản án hình sự sơ thẩm số 05/2012/HSST ngày 15/02/2012 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng về phần án phí không phải do lỗi của bị cáo mà do Cơ quan thi hành án không ban hành quyết định thi hành án đối với bị cáo C; Quá trình điều tra, bị cáo Bùi Văn C và Bùi Văn B đã tự khai ra các lần phạm tội trước đó nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ người phạm tội tự thú cho các bị cáo C và B là thiếu sót nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự cho các bị cáo C và B mới phù hợp.

Tuy nhiên, mức hình phạt 01 năm 08 tháng tù đối với bị cáo C, 01 năm 03 tháng tù đối với bị cáo B và 01 năm 03 tháng tù đối với bị cáo T mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với các bị cáo là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện. Bởi lẽ: Các bị cáo đều phạm tội nhiều lần; riêng đối với bị cáo C và T có nhân thân xấu; hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại mà còn gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

[3] Về án phí: Do không được chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo Bùi Văn C, Bùi Văn B và Hoàng Văn T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Bùi Văn C, Bùi Văn B và Hoàng Văn T – Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt.

[2] Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, g, o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Bùi Văn C 01 năm 08 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm g, o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Bùi Văn B 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[3] Về án phí: Các bị cáo Bùi Văn C, Bùi Văn B và Hoàng Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - TAND tối cao;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea Kar;
- VKSND huyện Ea Kar;
- Công an huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện EK;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Đức